

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-3-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Ông Nguyễn Lâm Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị U, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: xóm H, xã A, huyện T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Lương Văn L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm H, xã A, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Vũ Thị U trình bày:

Bà và ông L kết hôn tháng 12 năm 1993, ông bà được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh B, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà ở chung cùng gia đình nhà ông L, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 1994 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông L xúc phạm đến bà. Bà đã nhiều về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng do ông L đến xin lỗi bà nên vợ chồng về đoàn tụ. Trong thời gian về đoàn tụ, vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn, ông L vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Lương Vũ Hải Y, sinh ngày 01/02/1995 và Lương Vũ D, sinh ngày 14/5/2012, hiện cháu Y đã trưởng thành

bà không yêu cầu giải quyết. Vợ chồng ly hôn, bà xin nuôi cháu D không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà bà U có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông L.

Về con chung bà xin nuôi cháu D không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/01/2021 và biên bản ghi lời khai tiếp theo bị đơn là ông Lương Văn L trình bày: ông và bà U kết hôn tháng 12 năm 1993, ông bà được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh B. Việc kết hôn giữa ông bà là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn bà U về làm dâu nhà ông, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do do bất đồng quan điểm sống, bà U không có lập trường, thường xuyên nghe anh em gia đình bà U về mâu thuẫn với ông về cách sống, cách nghĩ, bà U cư xử với ông không được đúng đắn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến nay ông và bà U tình cảm vợ chồng không còn nhưng nghĩ về các con, ông mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp bà U cương quyết xin ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn với bà U.

Về con chung: vợ chồng ông có 02 con chung là Lương Vũ Hải Y, sinh ngày 01/02/1995 và Lương Vũ D, sinh ngày 14/5/2012, hiện cháu Y đã trưởng thành và xây dựng gia đình ông không yêu cầu giải quyết. Vợ chồng ly hôn, ông xin được nuôi cháu D, ông không yêu cầu bà U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ông L vắng mặt:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: xử cho bà Vũ Thị U được ly hôn ông Lương Văn L.

Về con chung: giao cho bà U nuôi dưỡng con chung là Lương Vũ D, sinh ngày 14/5/2012, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà U.

Về án phí: bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: bà U khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với ông L có nơi cư trú tại xóm H, xã A, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa ông L vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà U và ông L kết hôn tháng 12 năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay bà U xác định không còn tình cảm với ông L và yêu cầu ly hôn. Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà U cương quyết xin ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn với bà U. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa bà U và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho bà U được ly hôn ông L là phù hợp.

[3] Về con chung: ông bà có 02 con chung là Lương Vũ Hải Y, sinh ngày 01/02/1995 và Lương Vũ D, sinh ngày 14/5/2012. Cháu Y đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng ly hôn, bà U, ông L đều xin được nuôi dưỡng con chung là Lương Vũ D. Bà U, ông L không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bà U là công nhân may thu nhập 6.574.000 đồng/ tháng, ông L làm thợ cơ khí thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ tháng. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương đều xác nhận hiện nay bà U, ông L có thu nhập đảm bảo cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy: bà U và ông L có hai con chung là Lương Vũ Hải Y đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lương Vũ D, sinh ngày 14/5/2012 chưa thành niên nhưng cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu D. Bà U, ông L đều có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, tại bản tự khai cháu D có nguyện vọng được ở với bà U, để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống và học tập, chăm sóc cháu D nên cần giao cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do bà U tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà nên không buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà U.

Sau khi ly hôn ông L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: bà U, ông L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: bà U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Thị U được ly hôn ông Lương Văn L.

2. Về con chung: giao cho bà Vũ Thị U nuôi dưỡng con chung là Lương Vũ D, sinh ngày 14/5/2012. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà U.

Sau khi ly hôn ông L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: bà Vũ Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000163 ngày 04 tháng 01 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận bà Vũ Thị U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh